

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày 18 - 02 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thế
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2020/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/HSST-QĐ ngày 03/01/2020 đối với bị cáo:

Trương Văn S (tên gọi khác: Trương Công S), sinh năm 1977 tại tỉnh Hà Nam; thường trú: Tổ 6 (tổ 17 cũ) phường T, Thành phố L, tỉnh Hà Nam; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trương Công T, sinh năm 1952 và con bà Bùi Thị L, sinh năm 1954; có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 và có 01 con sinh năm 2001; tiền án: Không có.

Tiền sự: Ngày 15/4/2015, Công an phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo quyết định số 12 (Sơn chưa đóng tiền phạt)

Nhân thân:

+ Ngày 19/10/1995 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 3 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân theo bản án số 226. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/3/1998.

+ Ngày 27/10/1998, Tòa án nhân dân thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân theo bản án số 41/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/01/1999.

+ Ngày 02/11/2005, Tòa án nhân dân thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 77/2005/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù 14/02/2007.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/9/2019 đến ngày 22/9/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*

1. Chị Hồ Thị Diễm T, sinh năm 1985; thường trú: Ấp 3 xã L huyện P, tỉnh An Giang; chỗ ở: 56/17 khu phố P1, phường B thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Chị Tạ Thị H, sinh năm 1987; thường trú: Xã D huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: 106 /25 tổ 9 khu phố L phường H, thị xã K tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trương Văn S và người tên Tuấn (không rõ nhân thân) là bạn quen biết ngoài xã hội. S, Tuấn phát tờ rơi ở những nơi đông dân cư để quảng cáo với nội dung “Alo là có tiền” kèm theo số điện thoại di động để cho vay tiền

Qua điều tra, xác định được bị cáo Trương Văn S cho vay tiền như sau

Cho chị Hồ Thị Diễm T vay:

Lần 1: Ngày 27/6/2019, bị cáo S và tên Tuấn cho chị T vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi đưa tiền chị T nhận 45.000.000 đồng 5.000.000 đồng còn lại trừ tiền phí dịch vụ, khi cho vay thỏa thuận hàng ngày chị T trả tiền gốc, lãi 2.500.000 đồng trả trong 26 ngày (26 ngày x 2.500.000 đồng = 65.000.000 đồng). Chị Thúy đóng được 6 ngày (6 x 2.500.000 đồng = 15.000.000 đồng).

Lãi suất theo quy định pháp luật (tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), lãi theo ngày là 0.054794%/ngày (tương ứng 1,666%/tháng). Bị cáo S cho chị T vay vượt quá hơn 19 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định, 50.000.000 đồng x 0,054794%/ngày x 26 ngày = 712.322 đồng. Lãi suất vượt quá mức quy định cho phép mà S, Tuấn đã nhận của chị T 15.000.000 đồng - 712.322 đồng = 14.287.678 đồng.

- Lần 2: Ngày 12/7/2019, bị cáo S và người tên Tuấn cho chị T vay số tiền 25.000.000 đồng. Khi cho vay chị T nhận 22.500.000 đồng (trừ phí dịch vụ 2.500.000 đồng), thỏa thuận hàng ngày chị T trả tiền gốc, lãi 1.250.000 đồng trả trong 26 ngày (1.250.000 đồng x 26 ngày = 32.500.000 đồng), từ khi vay chị T trả được 10 ngày với số tiền 12.500.000 đồng (tiền gốc 9.615.500 đồng, tiền lãi 2.884.500 đồng).

Lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, tính theo ngày là 0.054794%/ngày tương ứng là 1,666%/tháng. S và Tuấn cho chị T vay vượt quá hơn 19 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định, 25.000.000 đồng x 0,054794%/ngày x 10 ngày = 136.985 đồng. Lãi suất vượt quá mức quy định cho phép mà S và Tuấn đã nhận của chị T 2.884.500 đồng - 136.985 đồng = 2.747.515 đồng.

- Lần 3: Ngày 13/7/2019, bị cáo S và Tuấn cho chị T vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi cho vay chị T nhận 45.000.000 đồng, số tiền 5.000.000 đồng tiền chi phí dịch vụ, thỏa thuận hàng ngày chị T trả gốc và lãi 2.500.000 đồng, trong thời hạn 26 ngày, chị T trả được 21 ngày với tổng số tiền 52.500.000 đồng (tiền gốc 40.385.100 đồng, tiền lãi 12.114.900 đồng). Theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự S và Tuấn cho chị T vay vượt quá hơn 19 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định. Lãi suất theo quy định pháp luật 50.000.000 đồng x 0,054794%/ngày x 21 ngày = 575.337 đồng. Lãi suất vượt quá mức quy định cho phép S, Tuấn đã nhận của chị T 12.114.900 đồng - 575.337 đồng = 11.539.563 đồng.

- Lần 4: Ngày 24/7/2019 bị cáo S và Tuấn cho chị T vay 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/ngày, trừ tiền chi phí dịch vụ 5.000.000 đồng, chị T nhận 45.000.000 đồng. Từ khi vay chị T đóng được 08 ngày với số tiền 12.000.000 đồng. Theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/năm, tính theo ngày là 0.054794%/ngày tương ứng 1,666%/tháng. S và Tuấn cho chị T vay vượt quá hơn 53 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định. Lãi suất theo quy định pháp luật 50.000.000 đồng x 0,054794%/ngày x 08 ngày = 219.176 đồng. Lãi suất vượt quá mức quy định cho phép S và Tuấn đã nhận của chị T 12.000.000 đồng - 219.176 đồng = 11.780.824 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính S cho chị T vay tiền là 40.355.580 đồng và tiền phí dịch vụ là 17.500.000 đồng.

Bị cáo S cho chị Tạ Thị H vay tiền

Lần 1: Khoảng tháng 6/2019, bị cáo S và Tuấn cho chị H vay 20.000.000 đồng, khi cho vay S đưa chị H 18.000.000 đồng, 2.000.000 đồng còn lại trừ tiền dịch vụ. Thỏa thuận trả tiền gốc, lãi hàng ngày 1.000.000 đồng trong thời hạn 26 ngày. Theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/năm, tính theo ngày là 0.054794%/ngày, S và Tuấn cho chị H vay vượt quá hơn 19 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định. Lãi suất theo quy định pháp luật cho phép 20.000.000 đồng x 0,054794%/ngày x 26 ngày = 284.928 đồng. Lãi suất vượt quá mức quy định S và Tuấn đã nhận của chị H là 6.000.000 đồng - 284.928 đồng = 5.715.072 đồng.

Lần 2: Vào ngày 20/8/2019, bị cáo S và Tuấn cho chị H vay 20.000.000 đồng, chị H nhận 18.000.000 đồng còn 2.000.000 đồng tiền dịch vụ. Thỏa thuận hàng ngày phải trả tiền gốc, lãi là 1.000.000 đồng, trả trong 26 ngày với tổng tiền 26.000.000 đồng. Theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/năm, tính theo ngày là 0.054794%/ngày, S và Tuấn cho chị H vay vượt quá hơn 19 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định. Lãi suất theo quy định pháp luật cho phép 20.000.000 đồng x 0,054794%/ngày x 26 ngày = 284.928 đồng. Lãi suất vượt quá mức quy định cho phép S và Tuấn đã nhận của chị H 6.000.000 đồng - 284.928 đồng = 5.715.072 đồng.

Lần 3: Vào ngày 03/9/2019 S, Tuấn cho chị Tạ Thị H vay 20.000.000 đồng, chị H nhận 18.000.000 đồng, 2.000.000 đồng còn lại trừ tiền phí dịch vụ. Thỏa thuận hàng ngày phải trả tiền gốc và lãi 1.000.000 đồng trả trong 26 ngày, chị H trả

cho S, Tuần 11 ngày với số tiền 11.000.000 đồng (tiền gốc 8.461.640 đồng, tiền lãi 2.538.360 đồng). Theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/năm, tính theo ngày là 0.054794%/ngày S và Tuần cho chị H vay vượt quá hơn 19 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định. Lãi suất theo quy định pháp luật cho phép 20.000.000 đồng x 0,054794%/ngày x 11 ngày = 120.546 đồng. Lãi suất vượt quá mức quy định cho phép mà S, Tuần đã nhận của chị H 2.538.360 đồng - 120.546 đồng = 2.417.814 đồng.

Tổng số tiền thu lợi từ việc cho chị H vay 13.847.958 đồng, tiền phí dịch vụ là 6.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8 Star màu trắng, sim số 0327027116.

Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 02/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Văn S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo S từ 1 năm 06 tháng đến 2 năm cải tạo không giam giữ. Xử phạt bổ sung bằng tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Các biện pháp tư pháp:

- Đề nghị tuyên buộc bị cáo Trương Văn S giao nộp số tiền 2.334.222 đồng để sung quỹ Nhà nước, đây là khoản tiền lãi phát sinh từ việc phạm tội mà có tương ứng với mức lãi 20%/năm.

- Đề nghị tuyên buộc bị cáo Trương Văn S phải giao nộp số tiền 148.462.240 đồng bị cáo S đã cho chị Hồ Thị Diễm T, chị Tạ Thị H vay để sung quỹ Nhà nước.

- Đề nghị tuyên buộc bị cáo Trương Văn S phải giao nộp số tiền 23.500.000 đồng (tiền phí dịch vụ) để sung quỹ Nhà nước.

- Đề nghị tuyên buộc bị cáo Trương Văn S trả lại cho người vay chị Hồ Thị Diễm T số tiền 40.355.580 đồng.

- Đề nghị tuyên buộc bị cáo Trương Văn S trả lại cho người vay chị Tạ Thị H số tiền 13.847.958 đồng.

- Đề nghị chị Hồ Thị Diễm T phải có trách nhiệm giao nộp số tiền 74.999.400 đồng để sung quỹ Nhà nước, đây là khoản tiền bị cáo Trương Văn S cho chị T vay, chị T chưa trả lại cho S.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8 Star màu trắng. Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0327027116. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/01/2020

Bị cáo S không tranh luận, không bào chữa cho hành vi phạm tội. Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo S nói lời sau cùng: Xin xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ xác định bị cáo phạm tội: Biên bản hỏi cung, trình bày tại phiên tòa của bị cáo Trương Văn S, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện. Từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019 bị cáo Trương Văn S đã cho chị Hồ Thị Diễm T, chị Tạ Thị H vay số tiền tổng cộng 235.000.000 đồng với lãi xuất hàng tháng từ 34,61% đến 90%/ tháng, tương ứng với 415,32% và 1.080%/ năm tổng cộng S thu tiền lãi với số tiền 54.203.538 đồng, trong khi mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự “ *...lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay ...*”, như vậy S cho chị T, chị H vay mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, để hưởng lợi 77.703.538 đồng (trong đó xác định tiền lãi là 54.203.538 đồng, tiền phí dịch vụ 23.500.000 đồng). Hành vi trên của bị cáo S đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 41/CT – VKS ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết giảm nhẹ trên được quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo S có nhân thân rất xấu thể hiện việc đã nhiều lần vi phạm pháp luật hình sự. Tuy bị cáo được xem đương nhiên xóa án tích nhưng lần phạm tội này của bị cáo thể hiện sự không hướng thiện của bản thân cũng như việc chấp hành pháp luật.

[2] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm bị cáo S thực hiện là ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm cải tạo không giam giữ, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện phạm tội một cách cố ý nhằm mục đích vụ lợi cho bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng nhất là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại cho người vay, làm cho người vay phải chịu mức lãi suất quá cao, việc làm của bị cáo còn gây ảnh hưởng về chính trị, kinh tế, nhất là trong tình hình hiện nay hành vi cho vay lãi nặng diễn ra nhiều, có diễn biến phức tạp. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo S mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm bị cáo thực hiện để sau này không vi phạm nữa.

Xét, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân đối với bị cáo. Ngoài hình phạt chính xử phạt bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét

xử áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo cũng có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc bị cáo S cho chị Hồ Thị Diễm T, chị Tạ Thị H vay 235.000.000 đồng (trong đó S đưa chị T, H thực tế 211.500.000 đồng, 23.500.000 đồng chi phí dịch vụ), tiền lãi tính theo quy định pháp luật dân sự 20%/ năm 2.334.222 đồng, tổng 237.334.222 đồng. Khoản tiền trên bị cáo S sử dụng vào việc phạm tội, do phạm tội mà có. Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với khoản nợ gốc 74.999.400 đồng chị T chưa trả bị cáo S. Do vậy, buộc chị T nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

Như vậy, bị cáo S phải nộp tổng số tiền để sung vào ngân sách nhà nước 237.334.222 đồng – 74.999.400 đồng = 162.334.822 đồng (tính tròn số 162.335.000 đồng)

Đối với số tiền lãi S thu vượt quá 20%/năm của chị T, chị H tổng là 54.203.538 đồng, cần buộc bị cáo S trả cho chị T, chị H. Cụ thể S phải trả cho chị T 40.355.580 đồng tính tròn số 40.356.000 đồng, trả cho chị H số tiền 13.847.958 đồng tính tròn số 13.848.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8 có số liên lạc 032.702.7116 bị cáo S sử dụng vào việc phạm tội, điện thoại tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, sim số điện thoại thì tịch thu tiêu hủy.

[4] Trong vụ án còn có người tên Tuấn (không rõ nhân thân) cùng bị cáo S cho vay tiền, thu tiền lãi. Do không xác định được nhân thân của Tuấn. Công an thị xã Dĩ An tách điều tra xác minh xử lý sau là đúng pháp luật.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, biện pháp tư pháp, mức hình phạt đối với bị cáo S. Quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo S phải nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn S phạm Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn S 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (chín) ngày, tương ứng với 27 (hai bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại 01 (một) năm 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố L, tỉnh Hà Nam nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trương Văn S cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố L, tỉnh Hà Nam để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố L, tỉnh Hà Nam trong việc giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trương Văn S 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Trương Văn S phải nộp 162.335.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước

Buộc bị cáo Trương Văn S trả lại cho chị Hồ Thị Diễm T số tiền 40.356.000 đồng (bốn mươi triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng)

Buộc bị cáo Trương Văn S trả lại cho chị Tạ Thị H số tiền 13.848.000 đồng (mười ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8. Tịch thu tiêu hủy sim số 032.702.7116. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/01/2020.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Bị cáo Trương Văn S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 2.710.000 đồng (hai triệu bảy trăm mười nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; người cqlnvlq;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh